

Thứ	Tiết	A1	A2	A3	B1	B2	B3	B4	C1	C2	C3
Thứ 2	1	Toán (Trường)	Ngữ Văn (Linh)	Vật lí (Dũng)	GDTC - (Tâm)	GDKT&PL (Vừ)	Công nghệ (Q.Tâm)	GDQP (Hiếu)	Tiếng anh (Dung)	Sinh học (Ngát)	Sinh học (Đức)
	2	GDDP (Nga)	GDTC - (Tâm)	Lịch sử (Hương)	HĐTN(Nhàn)				GDQP (Hiếu)	Sinh học (Ngát)	Lịch sử (Huệ)
	3	Lịch sử (Hương)	GDDP (Nga)	GDTC - (Tâm)					Toán (Phượng)	GDQP (Hiếu)	Lịch sử (Huệ)
	4	GDTC - (Tâm)	Lịch sử (Hương)	GDDP (Nga)					Toán (Phượng)	Lịch sử (Huệ)	GDQP (Hiếu)
	5										
Thứ 3	1	Toán (Trường)	GDKT&PL (Vừ)	GDQP (Hiếu)	Tiếng anh (Trang)	GDTC - (Tâm)	Địa lí (Vĩnh)	Lịch sử (Huệ)	Lịch sử (Hương)	Sinh học (Ngát)	Sinh học (Đức)
	2	Địa lí (Thảo)	Lịch sử (Hương)	GDKT&PL (Vừ)	Lịch sử (Huệ)	Tiếng anh (Trang)	GDTC - (Tâm)	Địa lí (Vĩnh)	HĐTN(Nhàn)		
	3	GDQP (Hiếu)	Địa lí (Thảo)	Lịch sử (Hương)	Địa lí (Vĩnh)	Lịch sử (Huệ)	Tiếng anh (Trang)	GDTC - (Tâm)			
	4	Lịch sử (Hương)	GDQP (Hiếu)	Địa lí (Thảo)	GDTC - (Tâm)	Địa lí (Vĩnh)	Lịch sử (Huệ)	Tiếng anh (Trang)			
	5										
Thứ 4	1	Tiếng anh (Trang)	Toán (Q.Tâm)	Vật lí (Dũng)	Sinh học (Đức)	GDKT&PL (Vừ)	Toán (Trường)	CĐ Toán - (Thư)	Ngữ Văn (Huyền)	Tiếng anh (Dung)	Địa lí (Chính)
	2	HĐTN(Nhàn)			Vật lí (Dũng)	CĐ Toán - (Thư)	Tiếng anh (Trang)	Sinh học (Đức)	Ngữ Văn (Huyền)	Địa lí (Chính)	Tiếng anh (Dung)
	3				CĐ Toán - (Thư)	Tiếng anh (Trang)	Vật lí (Dũng)	Sinh học (Đức)	Tiếng anh (Dung)	Lịch sử (Huệ)	Toán (Phượng)
	4				Ngữ Văn (Huyền)	Tin (Tuấn)	Công nghệ (Q.Tâm)	Tiếng anh (Trang)	Vật lí (Dũng)	Sinh học (Đức)	Toán (Phượng)
	5										
Thứ 5	1	Ngữ Văn (Quân)	Ngữ Văn (Linh)	Tiếng anh (Dung)	GDTC - (Tâm)	GDDP (Sénh)	Vật lí (Dũng)	GDQP (Hiếu)	Địa lí (Vĩnh)	Địa lí (Chính)	Sinh học (Đức)
	2	Ngữ Văn (Quân)	Ngữ Văn (Linh)	Tiếng anh (Dung)	GDQP (Hiếu)	GDTC - (Tâm)	Vật lí (Dũng)	GDDP (Sénh)	Địa lí (Vĩnh)	CĐ Địa lí (Thảo)	Tin (Tuấn)
	3	Toán (Trường)	Tiếng anh (Dung)	Ngữ Văn (Quân)	Toán (Mạnh)	GDQP (Hiếu)	Tin (Tuấn)	Hóa học (Sénh)	Vật lí (Dũng)	GDKT&PL (Vừ)	Địa lí (Chính)
	4	Toán (Trường)	Tiếng anh (Dung)	Ngữ Văn (Quân)	Toán (Mạnh)	Công nghệ (Tuấn)	GDQP (Hiếu)	GDTC - (Tâm)	Hóa học (Nga)	GDKT&PL (Vừ)	CĐ Địa lí (Thảo)
	5										
Thứ 6	1	KT GIỮA KÌ II ĐỊA LÍ			GDDP (Dũng)	GDKT&PL (Vừ)	Ngữ Văn (Linh)	Toán (Q.Tâm)	Địa lí (Vĩnh)	Tiếng anh (Dung)	Ngữ Văn (Quân)
	2	Hóa học (Nga)	GDKT&PL (Vừ)	Vật lí (Dũng)	KT GIỮA KÌ II ĐỊA LÍ				GDDP (Tập)	Ngữ Văn (Quân)	Tiếng anh (Dung)
	3	Ngữ Văn (Quân)	Hóa học (Nga)	GDKT&PL (Vừ)	Vật lí (Dũng)	Ngữ Văn (Huyền)	Ngữ Văn (Linh)	Tiếng anh (Trang)	Tiếng anh (Dung)	GDDP (Tập)	Toán (Phượng)
	4	Tiếng anh (Trang)	Sinh học (Ngát)	Ngữ Văn (Quân)	Vật lí (Dũng)	Ngữ Văn (Huyền)	Ngữ Văn (Linh)	GDKT&PL (Vừ)	Hóa học (Nga)	CĐ C.Nghệ (Phượng)	GDDP (Thư)
	5										
Thứ 7	1	Hóa học (Nga)	Toán (Q.Tâm)	Toán (Trường)	Hóa học (Sénh)	KT GIỮA KÌ II GDKT&PL	Ngữ Văn (Linh)	KT GIỮA KÌ II GDKT&PL	Sinh học (Ngát)	Ngữ Văn (Quân)	Tin (Tuấn)
	2	Hóa học (Nga)	Toán (Q.Tâm)	Toán (Trường)	Toán (Mạnh)	KT GIỮA KÌ II TIN HỌC		Ngữ Văn (Linh)	Sinh học (Ngát)	Ngữ Văn (Quân)	Tin (Tuấn)
	3	Sinh học (Ngát)	Hóa học (Nga)	Hóa học (Sénh)	Ngữ Văn (Huyền)	Tin (Tuấn)	Toán (Trường)	Toán (Q.Tâm)	Lịch sử (Hương)	Toán (Mạnh)	Ngữ Văn (Quân)
	4	Sinh học (Ngát)	Hóa học (Nga)	Hóa học (Sénh)	Ngữ Văn (Huyền)	Tin (Tuấn)	Toán (Trường)	Toán (Q.Tâm)	Lịch sử (Hương)	Toán (Mạnh)	Ngữ Văn (Quân)
	5										

Sáng thực hiện từ 7h15; Chiều thực hiện từ 14h00
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Tập

Thứ	Tiết	A1	A2	A3	B1	B2	B3	B4	C1	C2	C3
Thứ 2	1	Tiếng anh (Trang)	Ngữ Văn (Linh)	Toán (Trường)	Sinh học (Đức)	Toán (Q.Tâm)	GDTC - (Tâm)	Hóa học (Sénh)	Tiếng anh (Dung)	GDTC - (Nhạ)	GDKT&PL (Vừ)
	2	Vật lí (Dũng)	Sinh học (Ngát)	Tiếng anh (Dung)	Tiếng anh (Trang)	GDTC - (Tâm)	Công nghệ (Q.Tâm)	Ngữ Văn (Linh)	Toán (Phượng)	GDTC - (Nhạ)	GDKT&PL (Vừ)
	3	Vật lí (Dũng)	Tiếng anh (Dung)	Hóa học (Sénh)	Tiếng anh (Trang)	Toán (Q.Tâm)	GDQP (Hiếu)	Ngữ Văn (Linh)	Sinh học (Ngát)	GDKT&PL (Vừ)	GDTC - (Tâm)
	4	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT
	5										
Thứ 3	1	HĐTN(Nhân)			Tiếng anh (Trang)	Tin (Tuấn)	Công nghệ (Q.Tâm)	GDQP (Hiếu)	Lịch sử 1 Hóa học	GDKTPL	HS không ôn tự học
	2				GDQP (Hiếu)	Tiếng anh (Trang)	Tin (Tuấn)	GDTC - (Tâm)	Lịch sử 1 Hóa học	GDKTPL	
	3				GDTC - (Tâm)	GDQP (Hiếu)	Tin (Tuấn)	Toán (Q.Tâm)	Địa lí 1 (Vật lí, Tiếng Anh, Sinh học)	Địa lí 2	HS không ôn tự học
	4										
	5										
Thứ 4	1	GDTC - (Tâm)	GDQP (Hiếu)	Lịch sử (Hương)	Hóa học (Sénh)	Toán (Q.Tâm)	GDDP (Tuấn)	Tiếng anh (Trang)	Ngữ Văn (Huyền)	GDTC - (Nhạ)	Tiếng anh (Dung)
	2	GDQP (Hiếu)	Lịch sử (Hương)	GDKT&PL (Vừ)	Hóa học (Sénh)	Tiếng anh (Trang)	GDDP (Tuấn)	Sinh học (Đức)	GDTC - (Nhạ)	Tiếng anh (Dung)	GDTC - (Tâm)
	3	Lịch sử (Hương)	GDKT&PL (Vừ)	GDQP (Hiếu)	GDTC - (Tâm)	Công nghệ (Tuấn)	Tiếng anh (Trang)	Hóa học (Sénh)	GDTC - (Nhạ)	Tiếng anh (Dung)	Sinh học (Đức)
	4										
	5										
Thứ 5	1	GDTC - (Tâm)	GDQP (Hiếu)	GDDP (Nga)	GDDP (Dũng)	GDKT&PL (Vừ)	Tin học (Tuấn)	Sinh học (Đức)	Ngữ Văn (Huyền)	Ngữ Văn (Quân)	Toán (Phượng)
	2	GDDP (Nga)	GDTC - (Tâm)	GDQP (Hiếu)	Sinh học (Đức)	Tin (Tuấn)	Công nghệ (Q.Tâm)	GDKT&PL (Vừ)	Ngữ Văn (Huyền)	Ngữ Văn (Quân)	Toán (Phượng)
	3	GDQP (Hiếu)	GDDP (Nga)	GDTC - (Tâm)	Sinh học (Đức)	Ngữ Văn (Huyền)	Công nghệ (Q.Tâm)	GDKT&PL (Vừ)	Địa lí 1	Lịch sử 2	HS không ôn tự học
	4										
	5										
Thứ 6	1	GDTC - (Tâm)	GDKT&PL (Vừ)	GDQP (Hiếu)	Hóa học (Sénh)	Toán (Q.Tâm)	Tiếng anh (Trang)	Ngữ Văn (Linh)	Toán (Phượng)	Toán (Mạnh)	Ngữ Văn (Quân)
	2	GDQP (Hiếu)	GDTC - (Tâm)	GDKT&PL (Vừ)	GDDP (Dũng)	Tin (Tuấn)	Công nghệ (Q.Tâm)	Ngữ Văn (Linh)	Toán (Phượng)	Toán (Mạnh)	Ngữ Văn (Quân)
	3	GDDP (Nga)	GDQP (Hiếu)	GDTC - (Tâm)	GDDP (Dũng)	Tin (Tuấn)	Công nghệ (Q.Tâm)	GDDP (Sénh)	Vật lí, Tiếng Anh, Sinh học	Lịch sử 2	HS không ôn tự học
	4										
	5										
Thứ 7	1										
	2										
	3										
	4										
	5										